

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-01-2021.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lộc;
2. Ông Lê Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 609/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 689/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1991. *(có mặt).*

Địa chỉ: Kp DT, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BĐ.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn TT, xã MQ, huyện PM, tỉnh BĐ. *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Lê Văn K kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện PM, tỉnh BĐ vào ngày

22 tháng 6 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh K không chí thú làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn K.

+ Về con chung: Có 01 người là Lê Thị Gia H, sinh ngày 30/3/2018. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn anh Lê Văn K:** Anh Lê Văn K có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TT, xã MQ, huyện PM, tỉnh BD. Anh K biết được Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ kiện ly hôn của vợ chồng; được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án, nhưng anh K không có văn bản trình bày ý kiến về việc Tòa án thụ lý vụ kiện gửi đến Tòa án; cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tại phiên tòa anh K vắng mặt.

- Tại phiên tòa hôm nay: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện PM, tỉnh BD nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Văn K.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Thị Gia H, sinh ngày 30/3/2018 cho chị Trần Thị Mỹ L được tiếp tục trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị Trần Thị Mỹ L trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Tuy nhiên, vì lý do không làm việc được với anh Lê Văn K nên vấn đề này sẽ được xem xét trong một vụ án khác, nếu các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn anh Lê Văn K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn K.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Ly hôn” và người bị kiện cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Lê Văn K kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện PM, tỉnh BD vào ngày 22 tháng 6 năm 2017 là phù hợp với Trích lục kết hôn số: 72/TLKH-BS ngày 25/9/2018 của UBND xã MQ, huyện PM cấp cho Trần Thị Mỹ L và Lê Văn K (bản sao). Nên hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh K không chí thú làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình; chị L và anh K không chung sống, quan tâm với nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho anh K, nhưng anh K không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; không đến Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh K vắng mặt. Điều này cho thấy anh K bỏ mặt hậu quả hôn nhân của vợ chồng.

Xét hôn nhân giữa chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại kết quả. Điều này phù hợp với thực tế và phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi anh K cư trú. Do đó, chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ L trình bày giữa chị L và anh Lê Văn K có 01 người con chung là Lê Thị Gia H, sinh ngày 30/3/2018. Lời trình bày của chị L phù hợp với Trích lục khai sinh số: 46/TLKS-BS ngày 06/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện PM, tỉnh BD cấp cho Lê Thị Gia H, sinh ngày 30/3/2018 (bản sao).

Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H. Xét yêu cầu nuôi con của chị L là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, giao cháu Lê Thị Gia H cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi cháu H: Do chị L không có yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Mỹ L trình bày giữa chị L và anh K không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh K không có văn bản nêu ý kiến đối với việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; không có mặt tại Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh K vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi nào chị L và anh K tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Gia H, sinh ngày 30/3/2018 cho chị Trần Thị Mỹ L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Lê Văn K không phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

Anh Lê Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng anh K không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L. Khi cần thiết chị L, anh K có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét trong vụ án này. Khi nào chị Trần Thị Mỹ L và anh Lê Văn K có tranh chấp và yêu cầu thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002378 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H. Phù Mỹ;
- UBND xã MQ;
- Lưu VP- HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng